

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Sứ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thao.
2. Ông Quách Đình Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại Toà án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2025/TLST –HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn 1, xã , tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1993; địa chỉ: 43 Tr, phường Th, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2025, bản tự khai, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc N tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ nay là xã K, tỉnh Gia Lai vào ngày 10 tháng 6 năm 2024. Vợ chồng chung sống với nhau thời gian đầu hòa thuận nhưng về sau thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách và lối sống của hai không hòa hợp nhau, mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải, động viên để gần gũi tình cảm nhưng mâu thuẫn vẫn không được cải thiện. Đến nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N. Chị không đồng ý đoàn tụ.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Ngọc N có 01 con là Nguyễn Ngọc Khả H, sinh ngày 19/11/2024. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con vì con còn quá nhỏ.

Chị không yêu cầu anh Tâm cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, anh Nguyễn Ngọc N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau năm 2024. Trong cuộc sống gia đình có lúc cãi vã nhưng mâu thuẫn không đến mức phải hôn ly. Anh đề nghị được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có con chung là Nguyễn Ngọc Khả H, sinh ngày 19/11/2024.

Anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Ngọc N đang sinh sống và làm việc tại 43 Tr, phường Th, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2]. Việc xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc N tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ nay là xã K, tỉnh Gia Lai vào ngày 10 tháng 6 năm 2024. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án đã hòa giải đề anh chị thỏa thuận đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý đoàn tụ nên việc hòa giải đoàn tụ không thành.

Mục đích chính của hôn nhân là xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững và cùng nhau phát triển. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét hôn nhân của anh chị, hiện tại chị T thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh N, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên mong muốn được ly hôn. Anh N cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn nên không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý đoàn tụ nên yêu cầu của anh N không được chấp nhận. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là chính đáng. Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc N.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc N có con chung là Nguyễn Ngọc Khả H, sinh ngày 19/11/2024. Xét yêu cầu nuôi con của chị T, cháu Hân dưới 12 tháng tuổi nên giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên Hội đồng xét xử giao cháu Hân cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Khả H, sinh ngày 19/11/2024 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên mà không bị mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động hoặc không có khả năng lao động nhưng có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số **001632 ngày 21/5/2025** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 7 – Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thao

Quách Đình Hoàng

Hoàng Thị Sứ

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7 – Gia Lai;
- Đương sự;
- UBND xã Kon Gang;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Sứ

